

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐƠN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST.

Ngày 08/02/2021.

V/v: *Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN -TỈNH ĐẮK LẮK.**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Sơn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Mai Thu.

2/ Ông Nguyễn Quốc Sự.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 05/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- DS ngày 22/01/2021. Giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số B, đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Vũ N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch- Kinh doanh.

Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Vợ chồng ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Ea Huar, huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk– đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 30/10/2015 vợ chồng ông Đặng Văn Đ bà Nguyễn Thị M vay của Ngân hàng C, chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 5213-LAV-201503129 Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng: 150% so với lãi suất vay trong hạn, thời hạn cho vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/10/2017, hình thức vay: không thế chấp. Quá trình vay vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Tính đến ngày 08/02/2021 còn nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 10.819.726 đồng, nợ lãi quá hạn 31.290.411 đồng. Tổng cộng là 92.110137 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện. Nay đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213-LAV201503129 ngày 30/10/2015 trên số nợ gốc kể từ ngày 09/02/2021 cho đến trả xong toàn bộ các khoản nợ.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông Đ, bà M vẫn vắng mặt. Như vậy, vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó hôm nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 3 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng C – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C – Chi nhánh huyện , tỉnh Đắk Lắk số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5213-LAV201503129 ngày 30/10/2015 tính đến ngày 08/02/2021 gồm: Nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 10.819.726đ (mười triệu, tám trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 31.290.411đ (ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Tổng cộng 92.110.137đ (chín mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213- LAV201503129 ngày 30/10/2015 trên số nợ gốc kể từ ngày 09/02/2021 cho đến trả xong toàn bộ các khoản nợ.

+ Về án phí: Vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, do vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M vắng mặt nên Tòa án đã đến tại nơi cư trú của vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M để xác minh và được biết vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nhưng cả hai vợ chồng bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông Đ, bà M vẫn vắng mặt. Do vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M thay đổi nơi cư trú, làm việc, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 30/10/2015 vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M vay vốn tại Ngân hàng C – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), hạn trả vào ngày 30/10/2017 theo hợp đồng tín dụng số 5213-LAV201503129 ngày 30/10/2015, lãi 12%/năm, lãi quá hạn 150%. Hình thức vay cam kết bảo đảm bằng tài sản.

Quá trình vay vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Tính đến ngày 08/02/2021 còn nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 10.819.726đ (mười triệu, tám trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 31.290.411đ (ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Tổng cộng 92.110.137đ (chín mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

[3] Về hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ: Xét hợp đồng tín dụng số 5213-LAV201503129 ngày 30/10/2015 được ký giữa Ngân hàng C, Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk với vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Vì vậy, phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc phía bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 3 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng C– Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

1. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5213-LAV201503129 ngày 30/10/2015 tính đến ngày 08/02/2021 gồm: Nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 10.819.726đ (mười triệu, tám trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 31.290.411đ (ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Tổng cộng 92.110.137đ (chín mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5213- LAV201503129 ngày 30/10/2015 trên số nợ gốc kể từ ngày 09/02/2021 cho đến trả xong toàn bộ các khoản nợ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị M phải chịu 4.605.506đ (bốn triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng C– Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 2.255.000đ (hai triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010712 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**+ Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**  
(Đã ký)

**Bùi Xuân Sơn**

